TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v tranh chấp về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Mé
Bà Hà Thị Mai Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên toà: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1963;
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn:
1. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1967;
2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968;
Cùng địa chỉ: ấp L, xã M, huyện Cần Giuộc, Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thành phố T, tỉnh L.
2. Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thành phố T, tỉnh L.

Bà T có mặt; bà S, ông C, chị T, chị D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Trần Thị T trình bày: Bà có tham gia góp hụi do bà Huỳnh Thị S làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 25-11-2015 Âm lịch, bà T có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần góp trong 16 tháng, bà góp năm phần/tháng, tính đến ngày 25/01/2017 Âm lịch tổng cộng bà đã đóng được 15 lần. Dây hụi này đã kết thúc, nhưng bà S vẫn chưa giao tiền hụi cho bà T với tổng số tiền là 375.000.000 đồng.

- Ngày 10-6-2016 Âm lịch, bà T có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 12 phần góp trong 12 tháng, bà T góp bốn phần hụi/tháng, bà đóng đến ngày 10-12-2016 Âm lịch được 07 lần, được tổng số tiền là 112.000.000 đồng (mỗi tháng bà đóng 4.000.000 đồng/phần), sau đó bà T không tiếp tục đóng hụi cho bà S nữa.

- Ngày 10-10-2016 Âm lịch, bà T có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần góp trong 16 tháng, bà góp hai phần hụi/tháng, bà đóng đến ngày 10-12-2016 Âm lịch được 3 lần (mỗi tháng bà đóng 4.000.000 đồng/phần), được tổng số tiền là 24.000.000 đồng, sau đó bà T không tiếp tục đóng hụi cho bà S nữa.

- Ngày 25-10-2016 Âm lịch, bà T có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 12 phần góp trong 12 tháng, bà góp ba phần hụi/tháng, bà đóng đến ngày 25-12-2016 Âm lịch được 3 lần, được tổng số tiền là 36.000.000 đồng.

Do dây hụi ngày 25-11-2015 Âm lịch đã kết thúc nhưng bà S vẫn chưa giao tiền hụi cho bà nên bà không tiếp tục góp các dây hụi sau. Tổng số tiền các phần hụi trên là 547.000.000 đồng. Bà trừ cho bà S 10.000.000 đồng tiền đầu thảo nên còn lại 537.000.000 đồng.

Trong các lần giao dịch hụi với bà S, bà là người trực tiếp giao nhận tiền với bà S, các con của bà là Trần Thị Hồng T, Trần Thị Mỹ D, có giao tiền cho bà để bà giao tiền cho bà S, các con bà không trực tiếp giao dịch với bà S. Bà nói bà S ghi trong sổ hụi tên T, D để bà dễ nhận biết phần của từng người để bà thu tiền của các con. Do là người trực tiếp giao dịch với bà S nên bà khởi kiện yêu cầu bà S, ông C có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền hụi là 537.000.000 đồng. Còn về việc giao nhận tiền giữa bà và các con của bà thì gia đình bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 15-11-2017, bị đơn – bà Huỳnh Thị S xác nhận còn nợ của bà Trần Thị T số tiền 537.000.000 đồng như bà T trình bày. Trong việc chơi hụi với bà T, bà đứng ra trực tiếp giao dịch với bà T, chồng bà là ông Nguyễn Văn C có biết việc bà chơi hụi với bà T nhưng cụ thể như thế nào thì ông C không biết. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả cho bà T số tiền 537.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà T số tiền trên, tuy nhiên do hoàn cảnh hiện giờ khó khăn, nên chưa trả cho bà T được. Bà sẽ bàn bạc lại với chồng bà là ông Nguyễn Văn C để có phương án trả tiền cho bà Trần Thị T.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 31-10-2017, bị đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị S. Ông có biết việc bà Huỳnh Thị S chơi hụi với bà Trần Thị T, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu, như thế nào thì ông không biết. Việc bà T khởi kiện yêu cầu ông và bà S trả số tiền 537.000.000

đồng, trong trường hợp có căn cứ cho rằng bà S còn nợ bà T số tiền nêu trên, ông đồng ý cùng với bà S chịu trách nhiệm trả cho bà T.

Tại Biên bản hòa giải ngày 04/12/2017, bị đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông có biết việc bà Huỳnh Thị S có chơi hụi với bà Trần Thị T. Ông có chở bà S lên nhà bà T gom hụi vài lần. Tuy nhiên giao dịch hụi như thế nào, số tiền cụ thể là bao nhiêu thì ông không biết. Nay bà T khởi kiện thì ông mới biết bà S còn thiếu bà T số tiền nêu trên, đợi khi bà S trở về, vợ chồng ông gặp bà T thì ông mới có ý kiến trách nhiệm trả như thế nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Trần Thị Hồng T, chị Trần Thị Mỹ D trình bày: Các chị là con của bà Trần Thị T, có gửi tiền cho bà T góp hụi giùm, việc giao tiền hụi cũng như góp hụi như thế nào là do bà T trực tiếp giao dịch với bà Huỳnh Thị S, các chị không có tham gia. Bà T chỉ ghi tên các chị vào sổ hụi để thuận tiện việc theo dõi số tiền từng người đã góp hụi. Về yêu cầu khởi kiện của bà T, các chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà S và ông C trả cho bà T tổng số tiền là 537.000.000 đồng. Số tiền các chị đã giao cho bà T góp hụi với bà S, các chị và bà T sẽ tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Bà S, ông C mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về hụi" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã M, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Trần Thị Hồng T, chị Trần Thị Mỹ D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị D, chị T. Bị đơn – bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà S, ông C.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 537.000.000 đồng.

[2.1] Thấy rằng bị đơn – bà Huỳnh Thị S xác nhận còn nợ bà T tổng số tiền là 537.000.000 đồng tiền hụi. Qua đó, có cơ sở xác định giữa bà T và bà S có quan hệ góp hụi, bà T là hụi viên, bà S là chủ hụi, số tiền bà S chưa thanh toán cho bà T tổng cộng là 537.000.000 đồng.

[2.2] Bà T, bà S, ông C đều thừa nhận ông C có biết việc bà S làm chủ hụi, hụi viên là bà T, ông C cũng nhiều lần chở bà S đến nhà bà T gom hụi, tuy nhiên cụ thể giao dịch như thế nào thì ông C không biết. Tại Biên bản hòa giải ngày 15-11-2017 (ông C vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ), bà S đồng ý cùng ông C trả số tiền trên cho bà T nhưng để bà bàn bạc lại với ông C về phương án trả nợ. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 31-10-2017 (trong ngày này bà S cũng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt), ông C đồng ý cùng bà S trả nợ cho bà T. Tuy nhiên tại Biên bản hòa giải ngày 04-12-2017 (bà S vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ), ông C cho rằng khi vợ chồng ông cùng gặp bà T thì ông mới có ý kiến trách nhiệm trả như thế nào. Qua đó, thấy rằng ông C là chồng bà S, biết rõ việc bà S làm chủ hụi, có tham gia giúp đỡ bà S trong quá trình làm hụi cụ thể ông nhiều lần chở bà S đến nhà bà T để gom hụi, do đó, có cơ sở xác định trách nhiệm liên đới của ông C và bà S trong nghĩa vụ trả nợ cho bà T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà S cùng với ông C có trách nhiệm trả cho bà T số tiền là 537.000.000 đồng.

[2.3] Bà T, chị T, chị D xác nhận là chị T và chị D có giao tiền cho bà T thay mặt các chị góp hụi với bà S, việc giao dịch góp hụi do bà T trực tiếp thực hiện với bà S, chị T và chị D không tham gia. Hơn nữa, bà S xác nhận còn nợ bà T số tiền là 537.000.000 đồng, không đề cập đến chị T, chị D. Chị T, chị D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, còn về số tiền đã giao cho bà T, chị T, chị D và bà T sẽ tự giải quyết. Qua đó, thấy rằng việc giao dịch diễn ra trực tiếp giữa bà S và bà T, do đó, bà S, ông C chỉ có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền nêu trên.

[3] Về án phí: Bà S và ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006; các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T "tranh chấp về hụi" với bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền 537.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi bảy triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Văn C phải chịu 25.480.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị T 12.740.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0005570 ngày 12-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

4. Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Xuân An